

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021.

“*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

2. Ông Trần Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp H, xã C, huyện S, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Nguyễn Trọng P, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Năm 2019, bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Trọng P sống chung với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/5/2019. Trong thời gian chung sống, bà L và ông P có một người con chung là Nguyễn A, sinh ngày 26/10/2019. Hiện con đang sống chung với bà L.

Do vợ chồng sống chung thường xuyên cãi nhau, bà L về nhà cha mẹ ruột sống nên bà L và ông P đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Từ khi bà L và ông P sống ly thân đến nay thì con chung tên A vẫn sống chung với bà L. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn chồng là ông Nguyễn Trọng P; Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 26/10/2019 cho đến khi cháu A đủ 18

tuổi, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng; Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Trọng P trình bày: Về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như bà L đã trình bày. Tháng 8/2020 ông và bà L phát sinh mâu thuẫn, nên bà L tự ý bỏ về nhà gia đình mẹ ruột của bà sống ở ấp H, xã C, huyện S, tỉnh Hậu Giang đến nay. Ông P đã nhiều lần nói chuyện cùng bà L với mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà L không đồng ý và ông cũng không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn. Ông và bà L có một con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 26/10/2019 từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì con chung tên A vẫn sống chung với bà L.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà L, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con. Trường hợp theo quy định pháp luật buộc phải ly hôn với bà L thì ông cũng đồng ý, vì ông cũng không còn biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ; Về con chung: Ông đồng ý giao con chung tên A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và ông sẽ cùng bà L tự thỏa thuận mức tiền cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp theo quy định của pháp luật buộc phải cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà L không đủ khả năng nuôi con thì giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng và ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt và có yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên A đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Do bà L vắng mặt tại phiên tòa nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn chồng là ông Nguyễn Trọng P. Về con chung: Giao con tên Nguyễn A, sinh ngày 26/10/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận việc bà L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con (Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng), vì việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của bà L là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà L. Đồng thời, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L có yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 26/10/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con (Theo đơn khởi kiện của bà L đề ngày 09/6/2021 Tòa án nhận ngày 10/6/2021 bà L yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng). Xét việc thay đổi này của nguyên đơn là tự nguyện, nội dung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông P tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà L và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng ông bà không kịp thời tìm biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài. Sau khi bà L và ông P không còn sống chung với nhau từ tháng 8/2020 đến khi Tòa án giải quyết vụ án, ông P đã nhiều lần gặp bà L để bàn bạc nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, để vợ chồng cùng lo cho con, vì quan hệ hôn nhân là phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên nhưng bà L vẫn cương quyết giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông P và ông P cũng không còn biện pháp nào để hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ.

Từ đó cho thấy, sau khi phát sinh mâu thuẫn thì bà L và ông P không tìm được biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông P có một người con chung tên Nguyễn A, sinh năm 26/10/2019, từ khi bà L và ông P sống ly thân đến nay thì con chung tên A vẫn sống chung với bà L. Bà L có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, từ khi bà L và ông P sống ly thân đến nay thì con chung tên A vẫn sống chung với bà L, được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và bà L có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và ông P cũng đồng ý giao con chung cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung tên A cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, ổn định môi trường sống cho cháu và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, giao con chung tên A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273, Điều 278, Điều 280 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Nguyễn Trọng P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn A, sinh năm 26/10/2019 cho bà Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

- Bà L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009965 ngày 21/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Trọng P (có mặt) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L (vắng mặt) được tính từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã B – Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Bích Duyên